TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 21-3-2019
"V/v tranh chấp: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Thận;
2/ Ông Nguyễn Đăng Bảy;
- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Văn Đàm – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 496/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018, về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐST – HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Điểu Thị X, sinh năm: 1996
Nơi cư trú: Thôn 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Lâm Đồng
- *Bị đơn:* Anh Điểu H, sinh năm: 1994
Nơi cư trú: Thôn 10, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Điểu Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Điểu H quen biết nhau thông qua mai mối. Sau đó chị và anh Điểu H tổ chức đính hôn, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng

nhận kết hôn số 115/2017, ký ngày 05 tháng 10 năm 2017. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian đợi gia đình hai bên định ngày cưới, các bên thường xuyên qua lại, gặp gỡ thì chị nhận thấy giữa chị và anh Điểu H có nhiều điểm bất đồng, không tìm được tiếng nói chung, các bên thiếu sự chia sẽ, giúp đỡ, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Qua thời gian giữa chị và anh Điểu H không còn tình cảm, đôi bên đều không muốn chung sống với nhau nên các bên không tổ chức đám cưới. Nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có ý nghĩa, chị muốn chấm dứt mối quan hệ với anh Điểu H nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Điểu H.

Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Điểu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Điểu Thị X tìm hiểu, yêu nhau được 2 tháng thì tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2017, ký ngày 05 tháng 10 năm 2017. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng do không tìm hiểu kỹ nên vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp dẫn đến thường cải vã. Vợ chồng chung sống với nhau khoảng 01 tháng thì chị Điểu Thị X bỏ về nhà mẹ sinh sống cho đến nay. Hiện nay, tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Điểu Thị X.

Trong thời gian chung sống anh và chị Điểu Thị X không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Điểu Thị X

Trong thời gian chung sống anh Điểu H và chị Điểu Thị X không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Các tài liệu, chứng cứ:

- Sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân (photo chứng thực); Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2017, ký ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước (bản chính);
- Biên bản lấy lời khai của nguyên đơn ngày 07/01/2019;
- Biên bản lấy lời khai của nguyên đơn ngày 09/01/2019;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Điểu H (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, anh Điểu H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Điểu H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Điểu Thị X và anh Điểu H đều thừa nhận anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2017, ký ngày 05 tháng 10 năm 2017. Lời khai của chị Điểu Thị X và anh Điểu H phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch"*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Điểu Thị X và anh Điểu H là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Theo lời khai của chị Điểu Thị X và anh Điểu H thể hiện trong hồ sơ vụ án thì anh Điểu H chị Điểu Thị X đều thừa nhận hai bên không có thời gian tìm hiểu dài, chưa thật sự tìm hiểu về tính cách, lối sống, suy nghĩ đã vội đi đến hôn nhân nên khi chung sống với nhau đã không tìm được tiếng nói chung, thiếu sự hòa hợp, chia sẽ, quan tâm và sự tin tưởng lẫn nhau. Đến cuối năm 2017 thì anh Điểu H và chị Điểu Thị X sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay anh Điểu H, chị Điểu Thị X đều xác nhận không còn tình cảm với nhau và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, anh Điểu H và chị Điểu Thị X vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ; Cuộc sống hôn nhân không thể hiện tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Điểu Thị X.

[4] Về nuôi con chung: Chị Điểu Thị X và anh Điểu H đều thừa nhận anh chị không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung; Về nợ chung: Chị Điểu Thị X và anh Điểu H đều thừa nhận anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn chị Điểu Thị X phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Điểu Thị X, chị Điểu Thị X được ly hôn với anh Điểu H.

2. Về nuôi con chung: Chị Điểu Thị X và anh Điểu H không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Điểu Thị X và anh Điểu H không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Điểu Thị X phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009031 ngày 12 tháng 12 năm 2018 *(đã nộp xong)*.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/3/2019), đương sự vắng mặt tại

phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh